

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2021

V/v tranh chấp: " Hôn nhân và gia đình"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Bình và bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh.

Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên tòa:

Bà; Nguyễn Thị Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2021/TLST- HNGĐ ngày 18/3/2021, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXX-ST, ngày 11/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh; Nguyễn Hữu T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm Văn Thượng, xã ĐĐ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Chị; Nguyễn Hoài T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm Văn Thượng, xã ĐĐ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T, trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T kết hôn với chị Nguyễn Hoài T, vào ngày 27/5/2000 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Văn cũ, nay là xã ĐĐ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống tại xã ĐĐ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Tình cảm vợ chồng

sau khi kết hôn sống bình thường, đến tháng 12/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, nên đầu năm 2021 chị Nguyễn Hoài T đã về bên ngoại và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn chị Nguyễn Hoài T.

- Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 05/7/2000 và Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 28/7/2007. Cháu Thu H đã trưởng thành, nên anh không có ý kiến gì, còn lại cháu Hữu Q, ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Nguyễn Hoài T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các ý kiến trên anh không có thêm bất cứ ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, song do chị Nguyễn Hoài T vắng mặt, cho nên không thực hiện được việc công khai chứng cứ và hòa giải. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Hoài T trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Hữu T vào ngày 27/5/2000 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐĐ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống tại xã ĐĐ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn sống bình thường, đến tháng 12/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, nên đầu năm 2021 chị Nguyễn Hoài T đã về bên ngoại và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh Nguyễn Hữu T làm đơn xin ly hôn, chị cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 05/7/2000 và Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 28/7/2007. Vợ chồng ly hôn thì tùy vào nguyện vọng của các con thích ở với ai, thì người đó sẽ nuôi.

- Về tài sản và nợ: Chị Nguyễn Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay vì điều kiện hoàn cảnh, nên chị không thể về tham gia giải quyết việc ly hôn được, vì vậy chị xin phép được vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn chị Nguyễn Hoài T; về con, cháu Nguyễn Thị Thu H

đã thành niên, còn cháu Nguyễn Hữu Q thì giao cho anh Nguyễn Hữu T được trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Hoài T; còn tài sản không có yêu cầu nên không xem xét. Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn để công khai chứng cứ và hòa giải, song do chị Nguyễn Hoài T vắng mặt, cho nên không thể thực hiện việc hòa giải và công khai chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt; cho nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Hoài T được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/5/2000 tại UBND xã Thanh Văn (nay là xã ĐĐ), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại xã ĐĐ, huyện Thanh Chương, tỉnh cảm vợ chồng sau khi cưới bình thường; đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, đến đầu năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị Nguyễn Hoài T đã về bên ngoại sống và hai người đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Nguyễn Hữu T vẫn nhất quyết xin ly hôn; chị Nguyễn Hoài T vắng mặt, nhưng trong đơn xin xử vắng mặt, chị cũng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu T, là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn chị Nguyễn Hoài T.

[3] Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 05/7/2000 và Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 28/7/2007. Đối với cháu Nguyễn Thị Thu H đã thành niên, không có yêu cầu; còn cháu Nguyễn Hữu Q, anh Nguyễn Hữu T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Nguyễn Hoài T cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Hữu Q và ý kiến của chị Nguyễn Hoài T, là hoàn toàn phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình

[4] Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Hữu T được ly hôn chị Nguyễn Hoài T

2. Về trách nhiệm nuôi con:

Cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 05/7/2000, đã thành niên và không có yêu cầu, nên không xem xét.

Giao cháu Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 28/7/2007, cho anh Nguyễn Hữu T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Hoài T.

Chị Nguyễn Hoài T, có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Tòa án không xem xét.

4. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T, phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí xin ly hôn. Anh Nguyễn Hữu T, được trừ đi 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004624 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- Các đương sự
- UBND xã ĐĐ
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Sơn